TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8- 2017
" V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sol

Ông Nguyễn Quốc Trung

Thư ký phiên tòa*:* Ông Hồ Chí Thêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2017/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2017 về việc *"xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2017/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Huệ P, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Kinh I, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Bào Bèo, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26.5.2017 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Huệ P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H kết hôn vào ngày 15/7/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hòa thuận và hạnh phúc. Tuy nhiên, trong thời gian khoảng hai năm nay thì vợ chồng thường hay cự cải nhau do bất đồng trong cuộc sống. Mặc dù, hai bên gia đình có khuyên giải và hàn gắn nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Hiện tại, chị và anh H đã ly thân nhau và đời sống chung của anh chị không thể hòa H được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Trần Bùi Châu Anh, sinh ngày 04.01.2015, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã thông báo cho anh H biết về việc chị P yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi cháu Châu Anh và không yêu cầu anh cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung chị P yêu cầu tự thỏa thuận nhưng anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị P. Toà án đã thông báo cho anh H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai nhưng anh H không đến và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị P. Do đó, Toà án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đối với chị P và anh H được. Toà án triệu tập anh H để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Bùi Thị Huệ P và anh Trần Văn H là "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*" được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] *Về hôn nhân*: Chị P và anh H kết hôn ngày 15/7/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Chị P yêu cầu được ly hôn với

anh H nhưng anh H không có ý kiến gì, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Chị P và anh H có một con chung là Trần Bùi Châu Anh, sinh ngày 04.01.2015, hiện đang sống với chị P. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi cháu Anh. Phía anh H không có ý kiến yêu cầu nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Châu Anh còn rất nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ và từ khi anh chị ly thân thì cháu Châu Anh ở với chị P đã ổn định. Mặt khác, anh H cũng không có ý kiến yêu cầu nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu Châu Anh cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[3] *Về tài sản chung*: Chị P xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết. Phía anh H không có ý kiến yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Chị P trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết. Phía anh H không có ý kiến yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc chị P phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Huệ P được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao cháu Trần Bùi Châu Anh, sinh ngày 04.01.2015 cho chị Bùi Thị Huệ P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Bùi Thị Huệ P phải chịu số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền chị P nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003565 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, chị P đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt H lệ.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Cái Nước;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *UBND xã Lương Thế Trân;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ TRÚC HẰNG